

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/DS-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1971; Địa chỉ: 307 N V X, phường H P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức T, sinh năm 1992. Địa chỉ: 11 T K D, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2022). (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thúy H. Địa chỉ: 220 N V C, Tổ 7, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ánh T do ông Lê Đức T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ánh T có quan hệ quen biết và làm ăn với bà Phạm Thị Thúy H. Do cần tiền đầu tư làm ăn nên bà H có vay của bà T số tiền 500.000.000

đồng vào ngày 20/9/2018 âm lịch tức ngày 28/10/2018 dương lịch, khi vay tiền bà H có viết cho bà T một giấy mượn tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Sau khi vay tiền bà H có trả cho bà T số tiền lãi tính đến hết tháng 8 năm 2021, từ tháng 9 năm 2021 đến nay bà H chưa trả lãi và gốc cho bà T mặc dù bà T đã đòi nhiều lần.

Bà Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Thúy H trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất 1,6%/tháng (20%/năm) kể từ tháng 9 năm 2021 đến ngày xét xử vụ án, lãi tạm tính đến ngày 31/5/2022 là 72.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Thúy H trả cho bà số tiền 500.000.000 đồng nợ gốc và và tiền nợ lãi theo lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm), thời điểm tính lãi từ ngày 28/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Thúy H:

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục đề triệu tập hợp lệ đối với bà Phạm Thị Thúy H. Tuy nhiên, bà Phạm Thị Thúy H không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà Phạm Thị Thúy H không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Phạm Thị Thúy H.

Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Bà Phạm Thị Thúy H cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm

a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:*

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ngày 20/9/2018 Âm lịch (ngày 28/10/2018 dương lịch) bà Phạm Thị Thúy H vay của bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền 500.000.000 đồng, khi vay tiền bà H có viết giấy mượn tiền cho bà T, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,6%/tháng. Sau khi vay tiền bà H trả lãi cho bà T đến hết tháng 8 năm 2021, từ tháng 9 năm 2021, bà H không trả gốc và lãi cho bà T như đã cam kết. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng tiền gốc và tiền nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất 1,6%/tháng (20%/năm) kể từ tháng 9 năm 2021 đến ngày xét xử vụ án.

Xét, giao dịch vay tiền giữa người cho vay là bà Nguyễn Thị Ánh T với bên vay là bà Phạm Thị Thúy H là giao dịch dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Bà T đã cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” có nội dung thể hiện ngày 20/9/2018 âm lịch có cho bà H vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận, thời hạn vay là 2 tháng, có họ tên chữ ký của người mượn là Phạm Thị Thúy H.

Mặc khác từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo trình tự giải quyết vụ án dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà H không đến Tòa để trình bày ý kiến, điều này thể hiện bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Nên xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Về lãi suất:

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Thúy H trả cho bà số tiền 500.000.000 đồng nợ gốc và tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm) từ ngày 28/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét tại giấy mượn tiền thể hiện “lãi suất hai bên thỏa thuận” như vậy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới*

hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về nợ lãi là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền nợ gốc để tính lãi là 500.000.000 đồng; thời gian tính lãi từ ngày 28/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 24 ngày; mức lãi suất áp dụng mức bằng 0,83%/tháng (10%/năm); Tiền nợ lãi được tính là: 500.000.000đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng 24 ngày = 48.970.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà Hà phải trả cho bà Tuyết là: 500.000.000 đồng + 48.970.000 đồng = 548.970.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, 35, 39, 70, 72, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 234, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T về việc buộc bà Phạm Thị Thúy H trả nợ vay.

Buộc bà Phạm Thị Thúy H phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền 548.970.000 đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng và nợ lãi là 48.970.000 đồng (Nợ lãi tính từ ngày 28/9/2021 đến ngày 22/9/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Thúy H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.448.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ánh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.440.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001857 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

